

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thị và ông Phạm Mạnh Cường
- ***Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà*** - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 155/TB-TA ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn V, Xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H** - Sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Chị T có mặt, anh H đã được triệu tập lần thứ 2 vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện để yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H, có địa chỉ tại; khu 4, xã T, huyện T. Cụ thể, theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 11/11/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Khi đó chị và anh H đều làm công nhân, sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sống chung và làm việc tại khu công nghiệp H, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H tự ý làm ăn không bàn bạc với chị, ngoài ra còn thường xuyên rượu chè. Chị đã nhiều lần tham gia góp ý nhưng anh H không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng và đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không thể quay về sống chung được, mâu thuẫn không thể giải quyết, tình cảm của chị đối với anh H không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung chị và anh H không có nên không yêu cầu.
- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh H không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải được vụ án theo quy định của pháp luật và quyết định xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên vợ chồng chỉ sống chung được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống. Cả hai lại không có những biện pháp tích cực để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vì vậy đã làm cho mâu thuẫn bất đồng ngày càng trở nên nghiêm trọng khó có khả năng hàn gắn và đã phải sống ly thân. Như vậy, trên thực tế vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu cứ ràng buộc thì hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H không có nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác, mặc dù chị T trình bày không có nhưng vì do anh H vắng mặt nên không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- **Xử:** Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.
- Về con chung không có nên không giải quyết.
- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2016/0001843 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã Q;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn